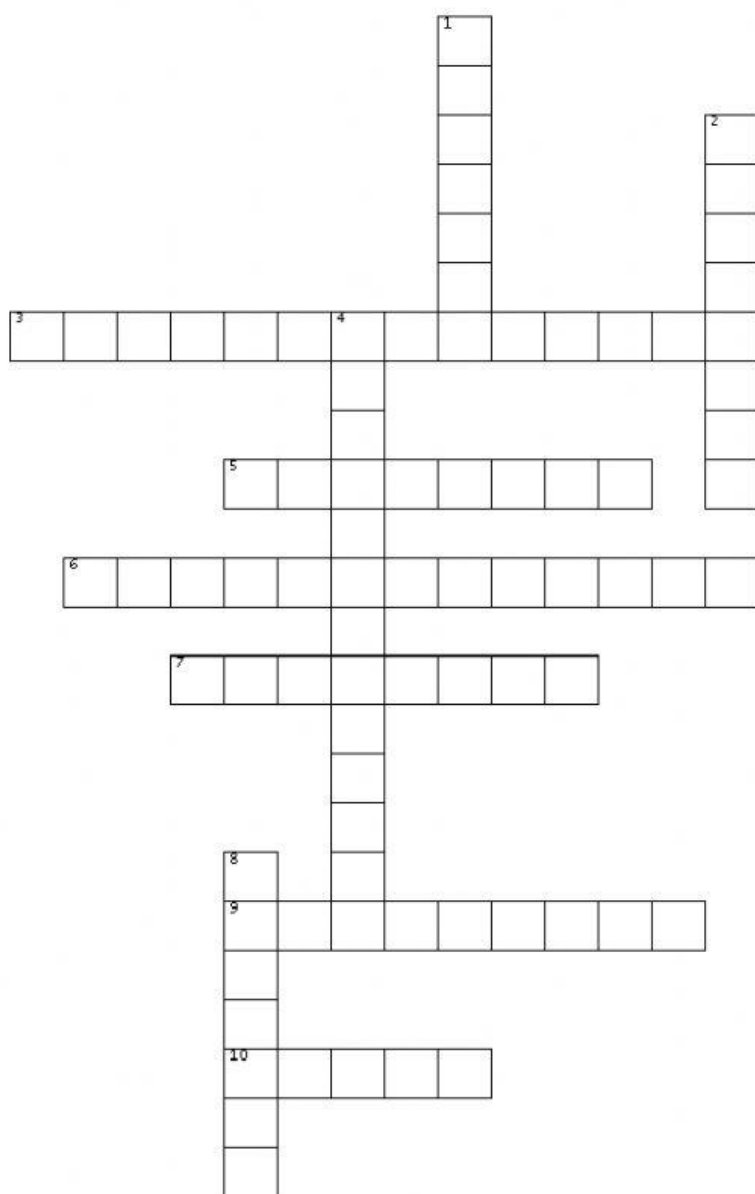


I. Match to make meaningful sentences

0. <i>Playing chess is</i>	a. <i>his favourite pastime.</i>
1. Social media helps to	b. invitation to the party.
2. More people should use	c. public transport instead of private cars.
3. Sarah accepted the	d. offer Mary the job.
4. You look	e. connect people easily.
5. They decided to	f. fantastic in that dress.

0- a	1-	2-	3-	4-	5-
------	----	----	----	----	----

II. Solve the puzzle using the English meanings of the given Vietnamese words



ACROSS

- 3. người đại diện
- 5. cuộc bầu cử
- 6. quảng cáo, tờ quảng cáo
- 7. bình thường
- 9. chữ kí
- 10. đáng sợ, khủng khiếp

DOWN

- 1. thiếu, không có
- 2. giám sát
- 4. sự giải trí, buổi biểu diễn
- 8. truyền thể loại kỳ ảo, hư cấu